

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H, TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số : 47/2017/HSST

Ngày: 28 /9/2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH PHÚ THỌ
*Với thành phần Hội Đồng Xét Xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Võ

Các Hội thẩm nhân dân :

Bà Phạm Thị Quý

Bà Chu Thị Ngọc Lan

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Ngô Văn Tứ

Đại diện VKSND Huyện H tham gia phiên toà:

Ông Nguyễn Hữu Sơn - KSV.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở TAND huyện H - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2017/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo :

Phạm Thị G, sinh ngày 09/3/1977 . Có mặt

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khu 7, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không;

Quốc tịch Việt Nam.

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Trình độ văn hóa: lớp 6/12 .

Bố đẻ: Phạm Văn T, sinh năm:1946; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1950; Bố, mẹ đẻ hiện làm ruộng ở xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Chồng: Nguyễn Văn H, sinh năm 1952, hiện là Lao động tự do tại Khu 7, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ;

Bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2012;

Anh chị em: có 08 người, bị cáo là thứ tư.

Tiền án, tiền sự: không

Bị bắt tạm giữ ngày 31/5/2017, thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ ngày 06/6/2017, hiện nay đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :

Hà Thị T1, sinh năm 1975 . Vắng mặt

Địa chỉ : Thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang

Nguyễn Văn H, sinh năm 1964 . Vắng mặt

Địa chỉ : Khu 4, xã M, huyện H, tỉnh Phú Thọ .

Trần Văn Đ, sinh năm 1980 . Vắng mặt.

Địa chỉ : Khu 4, xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Do quen biết nhau qua bạn bè giới thiệu, khoảng giữa tháng 05/2017, Phạm Thị G, sinh năm 1977 ở Khu 7, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ thuê Hà Thị T1, sinh năm 1975 ở Thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang đến ở tại nhà G và làm gái bán dâm. G và T1 thỏa thuận miệng với nhau: G là người bố trí, sắp xếp việc mua bán dâm và thu tiền của người mua dâm, còn T1 là người bán dâm cho khách. G thu của khách 200.000 đồng/01 lượt mua dâm, T1 được hưởng 100.000 đồng cho một lần bán dâm và sẽ nhận sau khi bán dâm xong, 100.000 đồng còn lại G được hưởng.

Khoảng 17 giờ 20 ngày 31/5/2017, do biết G có chứa gái mại dâm tại nhà nên Nguyễn Văn H, sinh năm 1964 ở Khu 4, xã M, huyện H, tỉnh Phú Thọ gọi điện thoại từ số thuê bao 01628 044 424 đến số thuê bao 0977 275 303 của G hỏi mua dâm, G đồng ý và hẹn H đến nhà của mình ở Khu 7, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Khoảng 20 giờ cùng ngày, H cùng Trần Văn Đ, sinh năm 1980 ở Khu 4, xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ đến nhà của G ở Khu 7, thị trấn H như đã hẹn trước. Khi đến nhà G, gặp G đang ngồi dưới phòng khách, G nói với H chỉ có 01 người bán dâm, nếu đi hai người thì phải đợi nhau. H đồng ý, và trả cho G 400.000 đồng cho cả hai lần mua dâm, gồm 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, G nhận tiền rồi bảo H lên phòng 01 tầng 02 chờ gái bán dâm, Đ ngồi dưới phòng khách tầng 1 đợi. Sau đó, G gọi Hà Thị T1 lên bán dâm cho H. T đồng ý, và lên phòng 1 thuộc tầng 02 bán dâm cho H. Khi H mua dâm xong, đi xuống tầng 1 đợi. Khoảng 20 giờ 30 phút, Đ lên phòng 02 tầng 2 và đang mua dâm với T1 thì bị Đội cảnh sát hình sự Công an huyện H phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Thị G về hành vi chứa mại dâm. Tạm giữ các đồ vật, tài sản gồm:

- 1- 400.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành, thu trên người Phạm Thị G, là tiền mua dâm H trả cho G;
- 2- 01 bao cao su đã qua sử dụng tại giường ngủ trong phòng 02 tầng 02 nhà ở của G;
- 3- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia N1200, số sêri máy 354167026445568, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số thuê bao 0977 275 303,

là điện thoại G dùng để liên lạc, trao đổi mua bán dâm với H; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen, lắp sim số thuê bao 01628 044 424, đã qua sử dụng là điện thoại của Nguyễn Văn H dùng để gọi cho G hỏi việc mua dâm.

Khám xét khẩn cấp nhà ở của Phạm Thị G, tạm giữ: 01 túi xách nữ màu nâu, giả da có quai đeo, đã cũ, qua sử dụng, bên trong có 3.022.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành thu tại cánh tủ bên trái gian nhà sau phòng khách tầng 01; 12 bao cao su, vỏ màu vàng có in chữ ROMAX chưa qua sử dụng, thu tại ngăn kéo bàn sửa chữa đồ điện tại phòng sửa chữa đồ điện tầng 01; 05 bao cao su, vỏ màu vàng có in chữ ROMAX chưa qua sử dụng, thu tại góc sếp giữa tầng 01 và tầng 02; 03 bao cao su, vỏ màu vàng có in chữ ROMAX chưa qua sử dụng, thu tại giỏ nhựa trong phòng số 02 tầng 02; 01 bao cao su vỏ màu vàng có in chữ ROMAX chưa qua sử dụng, thu tại đầu giường ngủ phòng 01 tầng 02; 01 bao cao su màu trắng đã qua sử dụng thu tại nhà vệ sinh tầng 02 của H và T đã dùng để mua bán dâm. Các bao cao su chưa qua sử dụng thu giữ nêu trên là của G chuẩn bị sẵn dùng để phục vụ khách đến mua dâm.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Thị G đã khai nhận về hành vi chứa mại dâm của mình như đã nêu trên. Lời khai của bị can phù hợp với lời khai người liên quan, phù hợp những chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra.

Ngày 26/8/2017, cơ quan CSĐT Công an huyện H đã trả lại cho Phạm Thị G 01 túi xách nữ màu nâu, giả da có quai đeo, đã cũ, qua sử dụng, bên trong có 3.022.000 đồng, là số tiền do lao động hợp pháp tích cóp mà có, tiền và túi xách không liên quan đến hành vi chứa mại dâm, G đã nhận tiền và tài sản, và không có ý kiến gì.

Ông Nguyễn Văn H là chồng của Phạm Thị G, quá trình điều tra xác định ông H đã chuyển ra ở riêng tại Khu 4, thị trấn H và không biết việc vợ mình chứa mại dâm nên Cơ quan CSĐT Công an huyện không đề cập xử lý.

Đối với Hà Thị T1 đã thực hiện hành vi bán dâm; Nguyễn Văn H và Trần Văn Đ là những người mua dâm, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã chuyển hồ sơ đến Công an huyện H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Hành vi chứa mại dâm của Phạm Thị G được chứng minh tại: Biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL20-23); Biên bản khám xét (24-25); Biên bản kiểm tra điện thoại (BL45-46); Biên bản ghi lời khai người liên quan (BL68-99); Biên bản lời khai, hỏi cung bị can (BL100-122); Biên bản đối chất giữa G và T1 (BL26-27); giữa G và H (28-29), cùng các tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án.

Mặc dù Phạm Thị G chứa mại dâm một người mua bán dâm với hai người tại nhà ở của mình, nhưng chỉ một người thoả thuận đứng ra giao dịch với G để trả tiền thuê địa điểm, phương tiện một lần và việc mua bán dâm diễn ra trong cùng một khoảng thời gian liên tiếp. Theo điểm b mục 4.2 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội

đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì hành vi nêu trên của G không coi là phạm tội nhiều lần.

Hành vi nêu trên của Phạm Thị G đã phạm tội “Chứa mại dâm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự 1999 có khung hình phạt từ 1 năm đến 7 năm tù.

Theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành BLHS số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 các quy định có lợi cho người phạm tội tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 2015 được thực hiện, trong đó có quy định về hình phạt nhẹ hơn. Đối chiếu hành vi của bị can đã phạm tội Chứa mại dâm theo quy định tại Khoản 1 Điều 254 BLHS 1999 có mức cao nhất của khung hình phạt là đến 7 năm tù. Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 1 Điều 327 BLHS 2015 thì mức cao nhất của khung hình phạt là đến 5 năm tù, nhẹ hơn so với BLHS 1999.

Do đó, để thực hiện nguyên tắc có lợi cho người phạm tội theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 nêu trên thì hành vi của bị can G cùng vụ án được giải quyết theo quy định tại Khoản 1, Điều 327 BLHS năm 2015.

Tại bản cáo trạng số 43/QĐ-KSĐT ngày 15/9/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã quyết định :

Truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ để xét xử đối với bị can Phạm Thị G về tội: “Chứa mại dâm” theo quy định tại Khoản 1 Điều 327 BLHS 2015 .

Tại phiên tòa : Bị cáo Phạm Thị G xác định hành vi của bị cáo đã phạm tội : Chứa mại dâm , việc bị cáo bị xét xử về tội danh như bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng , không oan sai .

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện H giữ quyền công tố luận tội và tranh luận : Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa , căn cứ vào lời khai của bị cáo Phạm Thị G và các tài liệu , chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định :

Vào 20 giờ 30 phút ngày 31/5/2017 tại nhà ở của Phạm Thị G ở Khu 7, thị trấn Hạ Hòa, huyện H, tỉnh Phú Thọ, Phạm Thị G thực hiện hành vi sắp xếp, bố trí 01 gái bán dâm là Hà Thị T1 lần lượt cùng bán dâm cho 02 khách mua dâm đi cùng nhau tại các Phòng 01, 02 tầng 02 và thu lợi bất hợp pháp 400.000 đồng của Nguyễn Văn H và Trần Văn Đ, thì bị lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định truy tố đối với G về tội Chứa mại dâm

Đề nghị Hội đồng xét xử :

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị G phạm tội “ Chứa mại dâm ”

+ Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 327 BLHS 2015; điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46 BLHS 1999; Điều 60 BLHS 1999 phạt từ 24 tháng đến 30 tháng tù,

nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng , thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm . Giao bị cáo G cho UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách . Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

+ Về hình phạt bổ sung : Xét thấy bị cáo không có nguồn thu nhập ổn định , ngoài tài sản là đồ dùng sinh hoạt thiết yếu cũng không có tài sản nào khác có giá trị , nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Không

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 41 BLHS, điểm a khoản 2 điều 76 BLTTHS đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy :

21 chiếc bao cao su, vỏ màu vàng có in chữ ROMAX, chưa qua sử dụng và 02 chiếc bao cao su đã qua sử dụng.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành: 400.000 đồng là tiền do phạm tội mà có.

Trả lại cho bị cáo G tài sản gồm :

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia N1200, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số thuê bao 0977 275 303 .

Trả lại cho Nguyễn Văn H tài sản gồm :

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng, bên trong có lắp sim số thuê bao 01628 044 424 .

Xác nhận việc cơ quan CSĐT Công an huyện H đã trả lại cho Phạm Thị G 01 túi xách và số tiền 3.022.000 đồng là hợp pháp.

6. Về án phí

Căn cứ khoản 1, khoản 2 điều 99 BLTTHS, Điều 6, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về lệ phí, án phí tòa án buộc bị cáo nộp 200.000 đồng tiền án phí HSST.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định .

Bị cáo Phạm Thị G nói lời sau cùng : Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo .

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi , tranh luận tại phiên tòa , Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi , quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H , Điều tra viên , Viện kiểm sát nhân dân huyện H , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra , truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền , trình tự , thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự . Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi , quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng , người tiến hành tố tụng . Do đó , các hành vi , quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng , người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp .

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị G khai nhận đã có hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu , lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với quá trình điều tra vụ án , các tài liệu phản ánh như:

Biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng vật chứng đã thu giữ, lời khai của bị cáo , người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan , người làm chứng tại Cơ quan điều tra ,cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để khẳng định :

Vào 20 giờ 30 phút ngày 31/5/2017 tại nhà ở của Phạm Thị G ở Khu 7, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ, Phạm Thị G thực hiện hành vi sắp xếp, bố trí 01 gái bán dâm là Hà Thị T1 lần lượt cùng bán dâm cho 02 khách mua dâm đi cùng nhau tại các Phòng 01, 02 tầng 02 và thu lợi bất hợp pháp 400.000 đồng của Nguyễn Văn H và Trần Văn Đ, thì bị lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Hành vi nêu trên của Phạm Thị G đã phạm tội “Chứa mại dâm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự 1999 có khung hình phạt từ 1 năm đến 7 năm tù.

Theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành BLHS số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 các quy định có lợi cho người phạm tội tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 2015 được thực hiện, trong đó có quy định về hình phạt nhẹ hơn. Đối chiếu hành vi của bị cáo đã phạm tội Chứa mại dâm theo quy định tại Khoản 1 Điều 254 BLHS 1999 có mức cao nhất của khung hình phạt là đến 7 năm tù. Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 1 Điều 327 BLHS 2015 thì mức cao nhất của khung hình phạt là đến 5 năm tù, nhẹ hơn so với BLHS 1999.

Do đó, để thực hiện nguyên tắc có lợi cho người phạm tội theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 nêu trên thì hành vi của bị cáo G cùng vụ án được giải quyết theo quy định tại Khoản 1, Điều 327 BLHS năm 2015.

Khoản 1 Điều 327 BLHS 2015 quy định:

“Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Phạm Thị G về tội danh và điều luật đã viện dẫn là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, tội phạm đã xâm phạm đến đạo đức , thuần phong , mỹ tục , đến đời sống văn hoá , trật tự trị an xã hội . Trước thực trạng xã hội loại tội phạm này vẫn xảy ra trên địa bàn gây nhiều hậu quả nghiêm trọng về tính mạng , sức khoẻ , thiệt hại về tài sản và gây sự tổn thất nghiêm trọng tới hạnh phúc của các gia đình, mất trật tự an toàn xã hội , gây nên sự hoang mang lo lắng cho cộng đồng dân cư và bị xã hội lên án. Do vậy cần xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân của bị cáo :

Phạm Thị G tuy không có tiền án , tiền sự , nhưng không tự rèn luyện , học tập , tu dưỡng bản thân để trở thành con người lao động chân chính , ngược lại đã thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này G là người bố trí, sắp xếp việc mua bán dâm và thu tiền của người mua dâm, còn T1 là người bán dâm cho khách mục đích thu lợi bất hợp pháp . Do vậy cần áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có đủ điều kiện để bị cáo cải tạo giáo dục trở thành người có ích cho xã hội và gia đình .

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào .

Các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng đối với bị cáo : Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà , bị cáo đã khai báo thành khẩn hành vi phạm tội của mình ; Bị cáo có chồng là thương binh hạng 2/4 là người có công với nước . Đối chiếu với các quy định của pháp luật HĐXX sẽ xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 , khoản 2 Điều 46 BLHS . Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện : Không có tiền án , tiền sự , có nơi cư trú ổn định , có nhiều tình tiết giảm nhẹ và tỏ ra biết ăn năn hối cải , do vậy không cần thiết buộc bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội , chỉ cần phạt bị cáo hình phạt tù , nhưng cho hưởng án treo buộc bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để cải tạo , giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện .

Tại khoản - Điều 327 BLHS 2015 quy định : Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ , phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản .

Xét thấy bị cáo không có nguồn thu nhập ổn định , Về tài sản : Ngoài tài sản là đồ dùng sinh hoạt thiết yếu cũng không có tài sản nào khác có giá trị , hoàn cảnh gặp khó khăn , có chồng là thương binh , do vậy miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo .

Về xử lý vật chứng :

+ Tịch thu tiêu hủy :

21 chiếc bao cao su, vỏ màu vàng có in chữ ROMAX, chưa qua sử dụng và 02 chiếc bao cao su đã qua sử dụng.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành: 400.000 đồng là tiền do phạm tội mà có.

+ Trả lại cho bị cáo G tài sản gồm :

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia N1200, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số thuê bao 0977 275 303 , số sê ri sim 8984048501197223210

+ Trả lại cho Nguyễn Văn H tài sản gồm:

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng, bên trong có lắp sim số thuê bao 01628 044 424 , số sê ri sim 8984040667001499458 .

+ Xác nhận việc cơ quan CSĐT Công an huyện H đã trả lại cho Phạm Thị G 01 túi xách và số tiền 3.022.000 đồng là hợp pháp.

Về án phí HSST : Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng tiền án phí HSST.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định .

Trong vụ án này : Ông Nguyễn Văn H là chồng của Phạm Thị G, quá trình điều tra xác định ông H đã chuyển ra ở riêng tại Khu 4, thị trấn H và không biết việc vợ mình chứa mại dâm nên Cơ quan CSĐT Công an huyện H không đề cập xử lý là đúng pháp luật

Đối với Hà Thị T1 đã thực hiện hành vi bán dâm; Nguyễn Văn H và Trần Văn Đ là những người mua dâm, Công an huyện Hạ Hòa đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng nêu trên là phù hợp pháp luật .

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử . Cần chấp nhận .

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo : Phạm Thị G

Phạm tội: “ Chứa mại dâm”.

Áp dụng 1 Điều 327 BLHS 2015 , điểm p khoản 1 , khoản 2 Điều 46 , khoản 1,2 Điều 60 BLHS năm 1999 ; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 :

Xử phạt bị cáo : **Phạm Thị G 24 (hai mươi bốn) tháng tù** , cho hưởng án treo , thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám tháng) , thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm . Giao bị cáo Phạm Thị G cho UBND Thị trấn H , huyện H giám sát , giáo dục trong thời gian thử thách .

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Thị G.

Về vật chứng : Áp dụng khoản 1 điều 41- BLHS năm 1999, điểm a,c ,đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS

+ Tịch thu tiêu hủy :

21 (hai mươi một) chiếc bao cao su, vỏ màu vàng có in chữ ROMAX, chưa qua sử dụng và 02 (hai) chiếc bao cao su đã qua sử dụng.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành: 400.000 đồng .

+ Trả lại cho bị cáo G tài sản gồm :

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia N1200, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số thuê bao 0977 275 303, số sê ri sim 8984048501197223210 .

+ Trả lại cho Nguyễn Văn H tài sản gồm :

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng, bên trong có lắp sim số thuê bao 01628 044 424 , số sê ri sim 8984040667001499458 .

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/9 /2017 tại Chi cục THADS huyện H .

+ Xác nhận : Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã trả lại cho Phạm Thị G 01 túi xách và số tiền 3.022.000 đồng (ba triệu không trăm hai mươi hai ngàn đồng), theo biên bản trả tài sản ngày 26/8/2017 là hợp pháp .

Về án phí HSST : Áp dụng khoản 1,2 Điều 99-BLTTHS , Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu , miễn , giảm , thu , nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Buộc bị cáo Phạm Thị G phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận THA, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật THADS, thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THADS.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm .Người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án .

Nơi nhận :

- VKSND huyện H;
- Công an H ;
- UBND TT H ;
- Sở tư pháp;
- THAHS;
- CC Thi hành án dân sự;
- Lưu HS - VP;
- Bị cáo ;
- Người có QLNVLQ ;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

(Đã ký)

Vũ Văn Võ